

Bản án số: 291/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 12 -2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nh dân: 1/ Ông Trần Văn Chánh

2/ Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh – Thư ký
Tòa án nh dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nh dân thành phố Biên Hòa: Ông Mai Văn
Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nh dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 374/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2021; Thông báo dời ngày xét xử ngày 26/7/2021, 16/8/2021, 17/9/2021 và ngày 04/10/2021, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 22/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 515/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Võ Mai T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: tổ 53, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 128/55/12, khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Võ Mai T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2018 cho đến nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay tình cảm của chị giành cho anh S không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Á H, sinh ngày 23/7/2017. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Tạm thời không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh S phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T; giao con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Á H, sinh ngày 23/7/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Võ Mai T khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Thanh S hiện đang trú tại: Số 128/55/12, khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S đầy đủ, tuy nhiên anh S vắng mặt không có lý do

chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân** : Chị T và anh S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2017 tại UBND xã Ea Phê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì chị T và anh S không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai anh chị có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng anh S không đến. Điều này chứng tỏ chị T và anh S không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, chị T và anh S hiện nay đã sống ly thân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh S.

[3] **Về con chung**: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Á H , sinh ngày 23/7/2017. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Tạm thời không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Do đó, giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Theo chị T trình bày tài sản chung; nợ chung: không có. Tuy nhiên, do anh S vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[5] **Về án phí**: Chị Trần Võ Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn chị Trần Võ Mai T. Chị Trần Võ Mai T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Á H , sinh ngày 23/7/2017 cho chị Trần Võ Mai T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Thanh S.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Võ Mai T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000200 ngày 26/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị T đã nộp xong án phí.

Chị Trần Võ Mai T và anh Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND xã Ea Phê-Krông Pắc, Đắc Lắc,
- T. Đồng Nai (số ĐKKH 35/2017 ngày 07/3/2017);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải

